TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 177/2021/DS-PT
Ngày 26/5/2021
V/v tranh chấp dân sự về đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tặng

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tài- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29/4/2021, ngày 19/5, 26/5/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 518/2020/TLPT-DS ngày 11 tháng 12 năm 2020, về việc "*Tranh chấp dân sự về đòi lại tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 80/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 68/2021/QĐ-PT ngày 24 tháng 02 năm 2021, giữa:

* ***Nguyên đơn***:

1. Bà Trần Kim K, sinh năm 1971;

2. Ông Võ Văn B, sinh năm 1963;

Cùng địa chỉ: Tổ ..., ấp ..., xã Mỹ H, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

* ***Bị đơn***: Bà Trần Kim B2, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Ấp Bình Mỹ B, xã Bình T, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Hồng T, sinh năm 1972. Là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 21/10/2020.

Địa chỉ: Số ..., tổ ..., khóm ..., phường ..., thành phố Cao L, Đồng Tháp.

* ***Người kháng cáo***: Ông Võ Văn B, bà Trần Kim K là nguyên đơn.

Ông B, bà K, ông T có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/02/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Trần Kim K và ông Võ Văn B cùng trình bày:**

Nguyên từ năm 2007 – 2008 – 2009, bà Trần Kim B1 có mượn vàng, tiền và lúa của bà K, ông B như sau:

- Số vàng 08 chỉ vàng 24k.
- Số tiền 13.027.000 đồng.
- Lúa là 87 giạ lúa (mỗi 20kg/giạ).

Bà Trần Kim B1 là chị ruột của Trần Kim K, nên khi cho mượn vàng, tiền và lúa thì vợ, chồng bà K không có yêu cầu bà B1 viết biên nhận, chỉ ghi vào sổ để nhớ. Đến năm 2010, cha Trần Kim K bệnh chết thì bà B1 có khởi kiện vợ, chồng bà K yêu cầu trả đất, di dời nhà ở. Sau khi giải quyết, bà K, ông B đồng ý di dời nhà ở theo quyết định của Tòa án. Bà K, ông B có yêu cầu bà B trả lại số vàng, tiền và lúa đã mượn trước đó. Đến tháng 9/2019, Bà K, ông B và bà B1 có đến Cơ quan thi hành án huyện Cao Lãnh để đối chiếu phần tiền, vàng và lúa còn thiếu thì bà B1 có thừa nhận và hứa 10 ngày sau sẽ trả hết số tiền, vàng và lúa. Nhưng sau 10 ngày, bà B1 không trả, tiếp tục đợi hơn 01 tháng mà bà B1 vẫn không thực hiện. Bà K có nhờ cán bộ Cơ quan thi hành án động viên nhưng bà B1 nói rằng đã trả 04 chỉ vàng và nói tới nói lui, không đồng ý trả nợ nên bà K được hướng dẫn gửi đơn đến UBND xã Mỹ H để giải quyết. Địa phương có tiến hành giải quyết, bà B1 có đến nhưng không thừa nhận nợ tiền, vàng và lúa của bà K bà ông B rồi bỏ về nên không thể thỏa thuận, giải quyết tại địa phương.

- Theo đơn khởi kiện bà K, ông B yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh giải quyết các vấn đề sau: Buộc bà Trần Kim B1 phải có trách nhiệm trả cho bà K, ông B 08 chỉ vàng 24 Kara có giá trị tạm tính khoảng 31.200.000 đồng; Số tiền 13.027.000 đồng và 87 giạ lúa có giá trị tạm tính là 7.308.000 đồng (1.740 Kg x 4.200 đồng).

- Tại phiên hòa giải lần sau cùng vào ngày 30/6/2020 bà K, ông B xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp đòi lại tài sản, yêu cầu bà Trần Kim B1 phải có trách nhiệm trả cho bà K, ông B:

+ Số tiền 13.027.000 đồng – 6.000.000 đồng = 7.027.000 đồng.

+ Số vàng là 08 chỉ vàng 24 Kara x 4.000.000 đồng = 32.000.000 đồng – 4.000.000 đồng/chỉ = 28.000.000 đồng.

+ Số lúa là 87 giạ được quy ra là 20kg/giạ = 1.740kg x 5.500 đồng /kg = 9.570.000 đồng.

Tổng cộng là 44.597.000 đồng (bốn mươi bốn triệu, năm trăm chín mươi bảy nghìn đồng. Yêu cầu tính lãi 98.856.772 đồng (tạm tính từ ngày 10/5/2009 cho đến ngày 10/6/2020: 44.597.000 x 20%/năm x 133 tháng = 98.856.772 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 143.453.772 đồng.

Số tiền và vàng có thay đổi so với khởi kiện ban đầu do bà K, ông B đã nhận lại của bà Trần Kim B1 01 chỉ vàng tương đương 4.000.000 đồng và số tiền 6.000.000 đồng

Việc vay mượn này được bà Trần Kim B1 xác nhận trước Chi cục thi hành án huyện Cao Lãnh và Chấp hành viên Nguyễn Văn T1 tại giấy xác nhận ngày 06/4/2020.

Ông B không đồng ý với lời trình bày của ông T; 87 giạ lúa, 4.727.000 đồng, 07 chỉ vàng là bà B1 mượn nợ của vợ chồng ông chứ không phải là tiền hỗ trợ di dời nhà. Ông T cho rằng tại Chi cục Thi hành án, bà Bình hỗ trợ 10.000.000 đồng cho vợ, chồng ông di dời nhà, ông B, bà K không biết.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Kiều, ông Bé yêu cầu bà Trần Kim B trả cho ông B, bà K các khoản sau:

+ Số vàng là 7 chỉ 24K x 4.727.200 đồng/chỉ = 33.229.000 đồng;

+ Số lúa là 87 giạ x 160.000đ/giạ = 13.920.000 đồng;

+ Số vốn tiền mặt 4.727.000đ + tiền lãi 9.454.000đ = 14.181.000 đồng.

Tổng cộng: 61.330.000 đồng.

*** Người đại diện ủy quyền bị đơn Trần Kim Bình là anh Nguyễn Hồng T trình bày:**

Bà B1 không có mượn vàng, tiền, lúa theo yêu cầu khởi kiện của bà K, ông B. Nay, bà B1 không đồng ý trả vàng, tiền, lúa theo yêu cầu khởi kiện của bà K, ông B vì không có mượn, vay gì cả, không làm biên nhận nhận nợ.

Do bà B1 đang yêu cầu Cơ quan thi hành án tiến hành thi hành bản án về thừa kế quyền sử dụng đất đã có hiệu lực pháp luật, cơ quan Thi hành án có vận động nên bà B đồng ý hỗ trợ 87 giạ lúa, 4.727.000 đồng và 07 chỉ vàng để ông B, bà K di dời nhà để sớm giải quyết việc thi hành án. Nhưng trong vòng 10 ngày bà K, ông B không di dời nhà nên nay bà B1 không đồng ý hỗ trợ.

Tại quyết định bản án dân sự sơ thẩm số: 80/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh đã tuyên xử:

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim K, ông Võ Văn B1.

- Về án phí:

Bà K, ông B thuộc trường hợp được miễn án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.300.000 đồng theo biên lai số 0009745 ngày 28/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07 tháng 10 năm 2020, ông Võ Văn B, bà Trần Kim K kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 80/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo, khởi kiện của ông B và bà K

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là chấp nhận kháng cáo của bà K và ông B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Bà Trần Kim K và ông Võ Văn B khởi kiện yêu cầu bà Trần Kim B1 trả số vàng, tiền, lúa mượn như sau:

- Số vàng 08 chỉ vàng 24K.
- Số tiền 13.027.000 đồng.
- Lúa là 87 giạ lúa (mỗi giạ 20kg/giạ).

Tại phiên tòa sơ thẩm bà K, ông B thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà Trần Kim K và ông Võ Văn B yêu cầu bà B1 trả 07 chỉ vàng 24; 87 giạ lúa và số tiền 4.727.000 đồng.

Bà Trần Kim B1 xác định là không có mượn (vay) vàng, tiền và lúa của bà K và ông B.

Xét thấy, việc cho bà K, ông B cho bà B1 mượn (vay) không được lập thành văn bản giấy tờ. Bà K và ông B có cung cấp 01 sổ theo dõi việc cho bà B1 mượn (vay). Tuy nhiên, sổ theo dõi là do bà K và ông B tự ghi, không có

chữ ký của bà B1 và bà B1 không thừa nhận có mượn (vay) vàng, tiền, lúa của bà K, ông B.

Bà K, ông B có cung cấp 01 giấy xác nhận của ông Nguyễn Văn T1 chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, nội dung giấy xác nhận như sau: Trong quá trình giải quyết thi hành án (ông B, bà K phải di dời nhà trả đất cho bà B1), thì ông B, bà K có than phiền bà B1 còn thiếu gia đình bà K 08 chỉ vàng, 13.000.000 đồng và 87 giạ lúa, nên có đề nghị ông T1ời bà B1 đến gặp bà K, ông B. Ngày 03/7/2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, qua trao đổi bà Kiều, ông Bé với bà Bình thống nhất: Bà B1 có thừa nhận thiếu ông B và bà K: 87 giạ lúa, 07 chỉ vàng và 4.727.000 đồng. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày 03/7/2019 bà B1 sẽ trả 07 chỉ vàng; 4.727.000 đồng; còn 87 giạ lúa đến thu hoạch vụ Đông xuân 2019-2020 sẽ trả. Quá thời gian 10 ngày, ông B, bà K có điện thoại nhờ tôi (T1) nhắc bà B1 trả vàng và tiền theo thỏa thuận. Sau đó, ông (T1) có điện thoại cho bà B1, thì bà B1 trả lời: "*Vì thằng B nó hăm tôi, nếu tôi không trả tiền, vàng, lúa cho nó thì nó không dỡ nhà trả đất cho tôi, chứ thật sự tôi không có thiếu nó cái gì hết, chú nghĩ xem tôi cho nó mướn đất, nó phải đong lúa lại cho tôi hàng năm thì làm sao tôi lại thiếu lúa của nó. Vì tôi sợ nó không dỡ nhà trả đất nên tôi hứa vậy thôi"*. Ông T1 xác định nội dung giữa bà K, ông B và bà B1 chỉ thỏa thuận miệng, không có lập biên bản.

Tuy nhiên, tại biên bản ghi lời khai ngày 12/5/2021 của Tòa án Tỉnh, ông T1 trình bày: "…*Tôi có nghe bà K, ông B và bà B1 nói về số nợ trên, về nội dung cụ thể tôi không rõ…" và "…Ông B có yêu cầu tôi xác nhận là có nghe việc bà K, ông B với bà B1 trao đổi với nhau về số nợ 07 chỉ vàng 24k, 87 giạ lúa và 4.727.000 đồng, nên tôi đã làm giấy xác nhận là có nghe bà B1, ông B và bà K nói, nhưng cụ thể nội dung như thế nào thì hoàn toàn không rõ*".

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà K trình bày số tiền bà B1 thiếu 13.000.000 đồng, đến ngày 03/7/2019, tại Chi cục Thi hành án huyện Cao Lãnh giữa bà K, ông B với bà B1 thỏa thuận cấn trừ nợ trong đó có số tiền 1.500.000 đồng chi phí xem xét thẩm định của Bản án phúc thẩm số 292/2018/DS-PT ngày 31/10/2018, mà bà K, ông B có trách nhiệm trả lại cho bà B1…sau khi thỏa thuận bà B1 còn nợ số tiền là 4.727.000 đồng, nhưng theo biên ghi lời khai ngày 12/5/2021, ông T1 xác định là không có thỏa thuận cấn trừ số tiền 1.500.000 đồng chi phí thẩm định, định giá.

Tòa án đã triệu tập ông T1 đến phiên tòa phúc thẩm 02 lần (lần 1 vào lúc 14 giờ 00 ngày 19/5/2021 và lần 2 vào lúc 14 giờ 00 ngày 26/5/2021), để đối chất với ông B, nhưng ông T1 không đến tham dự phiên tòa, ông T1 xác định đã cung cấp lời khai cho Tòa án Tỉnh xong.

Mặt khác, trong vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất, chia thừa kế quyền sử dụng đất, bà B1 khởi kiện yêu cầu bà K và ông B di dời nhà trả lại đất, nhưng bà K và ông B không có trình bày hoặc yêu cầu bà B1 trả lại vàng, tiền, lúa mà vẫn thống nhất di dời nhà trả lại đất cho bà B1. Điều đó, chứng tỏ bà B1 không có vay, mượn vàng, tiền lúa của bà K và ông B.

Đối với lời khai của các nhân chứng bà Trần Thị T2, chị Trần Kim L, anh Nguyễn Ngọc T tại phiên tòa sơ thẩm các nhân chứng đều xác định là chỉ nghe bà K nói lại bà B1 có nợ bà K chứ không trực tiếp chứng kiến việc vay mượn vàng, tiền, lúa.

Như vậy, qua các tài liệu, lời khai của các nhân chứng không đủ cơ sở xác định bà B1 có vay (mượn) tiền, vàng, lúa của bà Kiều, ông Bé.

Án sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu của bà K, ông B là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà K, ông B cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh là bà B1 có mượn (vay) vàng, tiền, lúa, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà K, ông B.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là chấp nhận kháng cáo của bà K, ông B cũng như phần nhận định trên không đủ cơ sở xác định bà B1 có vay (mượn) tiền, vàng, lúa của bà K, ông B, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Kim K, ông Võ Văn B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo kháng nghị.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên bà K, ông B phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng bà K, ông B có sổ hộ nghèo, nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 148; khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Kim K, ông Võ Văn B.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 80/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim K, ông Võ Văn B yêu cầu bà Trần Kim B1 trả 07 chỉ vàng 24k, 87 giạ lúa và 4.727.000 đồng.

- Về án phí:

Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm cho bà K và ông B.

Bà K, ông B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.300.000 đồng theo biên lai số 0009745 ngày 28/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Cao Lãnh;
- CCTHADS huyện Cao Lãnh;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án (T).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚCTHẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Tặng